

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOẢN TP. HỒ CHÍ MINH	
<b>ĐẾN</b>	Số: 13252
	Giờ: Ngày 10 tháng 04 năm 11

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ  
TRƯỜNG THÀNH  
(TTBD1)**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

## MỤC LỤC

---

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán	4
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2010	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 34



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đề trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010.

### 1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4603000078, ngày 18 tháng 08 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 8 số 3700530696 vào ngày 21 tháng 06 năm 2010.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại DT747, Khu phố 7, Thị trấn Uyên Hưng, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 312.498.390.000 đồng.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất đồ mộc;
- Sản xuất gỗ dán, ván mỏng, lạng, ván ép, ván sàn nội thất;
- Mua bán sản phẩm mộc, phụ tùng, phụ kiện ngành chế biến gỗ;
- Sản xuất bao bì;
- Mua bán sản phẩm nông lâm sản;
- Mua bán thủy hải sản;
- Mua bán phân bón;
- Đại lý ký gửi hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng.

### 2. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Võ Trường Thành	Chủ tịch
Ông Tạ Văn Nam	Thành viên
Bà Ngô Thị Hồng Thu	Thành viên
Bà Diệp Thị Thu	Thành viên
Ông Nguyễn Đình Nghĩa	Thành viên
Ông Huỳnh Phú Quốc	Thành viên

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Nguyễn Văn Hân	Trưởng ban
Bà Phạm Thị Mỹ Hà	Thành viên
Bà Trương Nữ Bích Vân	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên	Chức danh
Ông Võ Trường Thành	Tổng Giám đốc
Ông Tạ Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc
Bà Ngô Thị Hồng Thu	Phó Tổng Giám đốc

### 3. Tình hình kinh doanh năm 2010

Các số liệu về tình hình kinh doanh năm 2010 được trình bày trên báo cáo tài chính đính kèm được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán DTL.

### 4. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ Hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính và sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

### 5. Kiểm toán viên

Công ty Kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty.

(Phần tiếp theo ở trang 3)

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC


## 6. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên của Công ty phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

Bình Dương, ngày 10 tháng 04 năm 2011

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



  
**VŨ TRƯỜNG THÀNH**

Số: 11.159A1/BCKT-DTL

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi: Các Cổ đông**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành (dưới đây gọi tắt là Công ty) từ trang 05 đến trang 34 kèm theo. Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Trên cơ sở thử nghiệm, chúng tôi đã khảo sát một số bằng chứng làm căn cứ cho các số liệu chi tiết trong báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Công ty thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 04 năm 2011



Chứng chỉ KTV số Đ.0075/KTV

**KIỂM TOÁN VIÊN**



**BÙI VĂN BÔNG**  
Chứng chỉ KTV số 0177/KTV

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.305.361.470.689</b>	<b>1.164.498.060.039</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	(5.1)	<b>8.327.222.740</b>	<b>2.866.989.530</b>
1. Tiền	111		6.327.222.740	2.866.989.530
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.000.000.000	
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	(5.2)	<b>10.000.000.000</b>	<b>11.688.443.950</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		10.000.000.000	11.688.443.950
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129			
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>	(5.3)	<b>455.737.861.427</b>	<b>448.287.392.311</b>
1. Phải thu khách hàng	131		322.736.294.693	324.596.839.676
2. Trả trước cho người bán	132		34.159.797.023	13.767.900.511
3. Phải thu nội bộ	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		99.426.053.734	110.272.053.548
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(584.284.023)	(349.401.424)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	(5.4)	<b>812.293.321.419</b>	<b>687.789.473.565</b>
1. Hàng tồn kho	141		816.134.466.649	689.790.954.017
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.841.145.230)	(2.001.480.452)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>19.003.065.103</b>	<b>13.865.760.683</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		45.921.323	237.478.782
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		395.137.191	473.441.797
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		298.885.695	418.492.824
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	(5.5)	18.263.120.894	12.736.347.280

(Phần tiếp theo ở trang 6)

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>488.387.506.826</b>	<b>444.848.024.692</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>68.215.223.839</b>	<b>67.552.251.814</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(5.6)	24.628.344.151	24.677.677.726
+ Nguyên giá	222		44.129.892.478	39.267.488.889
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(19.501.548.327)	(14.589.811.163)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
+ Nguyên giá	225			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	(5.7)	10.708.239.688	8.724.374.088
+ Nguyên giá	228		13.000.144.379	10.291.693.379
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.291.904.691)	(1.567.319.291)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	(5.8)	32.878.640.000	34.150.200.000
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>			
+ Nguyên giá	241			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242			
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	(5.9)	<b>415.183.270.018</b>	<b>374.972.758.942</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		295.841.320.522	229.464.133.983
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		1.670.000.000	
3. Đầu tư dài hạn khác	258		130.408.624.959	145.508.624.959
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(12.736.675.463)	
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>4.989.012.969</b>	<b>2.323.013.936</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	(5.10)	3.681.559.458	1.706.013.936
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268	(5.11)	1.307.453.511	617.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.793.748.977.515</b>	<b>1.609.346.084.731</b>

(Phần tiếp theo ở trang 7)

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.108.925.770.281</b>	<b>946.066.352.402</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.108.612.900.632</b>	<b>945.712.503.802</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	(5.12)	998.180.154.964	663.386.277.405
2. Phải trả người bán	312	(5.13)	42.115.143.156	198.473.536.345
3. Người mua trả tiền trước	313	(5.13)	27.433.490.030	9.759.814.330
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(5.14)	2.985.081.623	6.543.028.232
5. Phải trả người lao động	315		11.775.578.469	11.374.590.958
6. Chi phí phải trả	316	(5.15)	3.514.251.846	1.672.050.648
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	(5.16)	22.609.200.544	54.288.986.202
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	(5.17)		214.219.682
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>312.869.649</b>	<b>353.848.600</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		312.869.649	353.848.600
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>684.823.207.234</b>	<b>663.279.732.329</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	(5.18.1)	<b>684.823.207.234</b>	<b>663.279.732.329</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		312.498.390.000	205.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		322.716.021.099	425.214.411.099
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		3.212.548.834	3.212.548.834
4. Cổ phiếu quỹ	414		(4.640.000)	(3.210.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			(2.142.077.841)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		5.824.548.834	5.824.548.834
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.612.914.724	3.612.914.724
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420	(5.18.4)	36.963.423.743	22.560.596.679
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.793.748.977.515</b>	<b>1.609.346.084.731</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

<b>CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		15.605.801.900	15.618.741.457
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)		2.619.584.016	2.619.584.016
5. Ngoại tệ các loại			
+ USD		222.840,74	87.074,89
+ EUR		1.885,12	5.614,53
+ JPY		277.000,00	210.000,00
+ CNY		17.175,00	
+ GBP		45,00	
+ THB		3.960,00	
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Bình Dương, ngày 10 tháng 04 năm 2011

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN VĂN HẬU

TỔNG GIÁM ĐỐC



VỖ TRƯỜNG THÀNH

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác*

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.711.712.939.545	1.331.608.551.045
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		10.169.150.668	1.779.119.400
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(6.1)	1.701.543.788.877	1.329.829.431.645
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	1.474.214.691.791	1.214.191.060.837
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		227.329.097.086	115.638.370.808
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	8.098.429.495	17.250.579.997
7. Chi phí tài chính	22	(6.4)	123.770.373.192	58.532.338.317
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		<b>93.384.954.461</b>	<b>56.175.889.816</b>
8. Chi phí bán hàng	24	(6.5)	13.905.058.300	10.364.056.608
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(6.6)	52.311.038.303	44.048.030.763
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		45.441.056.786	19.944.525.117
11. Thu nhập khác	31	(6.7)	1.089.011.466	7.542.918.988
12. Chi phí khác	32	(6.8)	511.617.138	1.045.643.195
13. Lợi nhuận khác	40		577.394.328	6.497.275.793
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		46.018.451.114	26.441.800.910
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(6.9)	3.975.031.096	4.579.637.393
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		42.043.420.018	21.862.163.517

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN VĂN HẬU

Bình Dương, ngày 10 tháng 04 năm 2011

TỔNG GIÁM ĐỐC



VŨ TRƯỜNG THÀNH

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**  
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		46.018.451.114	26.441.800.910
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao tài sản cố định	02		5.744.655.894	4.307.341.891
Các khoản dự phòng	03		14.811.222.840	2.059.413.589
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		4.500.934.205	
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.380.074.549)	(19.270.579.649)
Chi phí lãi vay	06		93.384.954.461	56.175.889.816
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>160.080.143.965</b>	<b>69.713.866.557</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(26.816.460.655)	(276.753.440.263)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(126.343.512.632)	(151.639.079.775)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(198.642.647.188)	140.021.666.647
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.783.988.063)	(75.113.092)
Tiền lãi vay đã trả	13		(91.026.244.963)	(56.272.765.282)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(2.641.284.771)	(1.292.664.166)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		3.000.000	83.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(1.304.131.731)	(612.697.016)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD</b>	<b>20</b>		<b>(288.475.126.038)</b>	<b>(276.827.226.390)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(6.151.569.802)	(5.438.087.135)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		490.595.326	6.508.566.733
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(9.352.000.000)	(24.389.078.500)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		9.020.443.950	42.418.919.255
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(49.714.461.818)	(47.043.028.228)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		11.547.254.425	8.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.121.145.893	13.268.075.914
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(40.038.592.026)</b>	<b>(6.674.631.961)</b>

(Phần tiếp theo ở trang 11)

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**  
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		5.000.000.000	8.600.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(1.430.000)	(3.210.000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.555.612.655.911	1.308.303.510.403
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.206.072.129.485)	(1.037.494.990.220)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(20.490.349.000)	(19.976.735.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>334.048.747.426</b>	<b>259.428.575.183</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>5.535.029.362</b>	<b>(24.073.283.168)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>2.866.989.530</b>	<b>27.021.124.682</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(74.796.152)	(80.851.984)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>8.327.222.740</b>	<b>2.866.989.530</b>

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN VĂN HẬU

Bình Dương, ngày 10 tháng 04 năm 2011

TỔNG GIÁM ĐỐC



VÕ TRƯỜNG THÀNH

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

### 1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

#### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành (dưới đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4603000078, ngày 18 tháng 08 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 8 số 3700530696 vào ngày 21 tháng 06 năm 2010.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại DT747, Khu phố 7, Thị trấn Uyên Hưng, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 312.498.390.000 đồng.

#### 1.2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất đồ mộc;
- Sản xuất gỗ dán, ván mỏng, lạng, ván ép, ván sàn nội thất;
- Mua bán sản phẩm mộc, phụ tùng, phụ kiện ngành chế biến gỗ;
- Sản xuất bao bì;
- Mua bán sản phẩm nông lâm sản;
- Mua bán thủy hải sản;
- Mua bán phân bón;
- Đại lý kỹ gửi hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng.

### 2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

#### 2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### 2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

### 3. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### 3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

#### 3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

#### 3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010.

### 4. Các chính sách kế toán áp dụng

#### 4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 4.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá giao dịch của Ngân hàng Ngoại Thương vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối năm tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

#### 4.3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá thành thành phẩm bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung. Giá thành được quyết toán theo từng đơn hàng. Đối với những đơn hàng còn dở dang, giá vốn được ước tính theo giá thành kế hoạch.

T.C.P. 92

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

#### 4.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

#### 4.5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
+ Máy móc, thiết bị	05 - 08 năm
+ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm

#### Quyền sử dụng đất

Đối với Quyền sử dụng đất không thời hạn, Công ty không tính khấu hao.

Đối với Quyền sử dụng đất có thời hạn, Công ty tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng và theo thời gian sử dụng cụ thể được ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

### 4.6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.
- Các khoản góp vốn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Giá trị vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là giá trị vốn góp được các bên tham gia liên doanh thống nhất đánh giá và được chấp thuận trong biên bản góp vốn.

- Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận theo giá gốc.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Các khoản đầu tư dài hạn khác phải trích lập dự phòng nếu tổ chức kinh tế mà doanh nghiệp đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

### 4.7. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào tổng kê kinh nghiệm.
- Trong năm 2010, Công ty thực hiện việc trích lập Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm 1% trên lương cơ bản.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Công ty và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên và 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

### 4.8. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế

Việc trích lập quỹ được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

### 4.9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

#### 4.10. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

- Ưu đãi, miễn giảm thuế

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN bằng 20% lợi nhuận chịu thuế trong 50 năm (từ năm 2000), Công ty được giảm 50% thuế TNDN từ năm 2007 đến năm 2010.

Ngoài ra, Công ty còn được giảm 50% số thuế TNDN phải nộp cho phần thu nhập tăng thêm khi có doanh thu xuất khẩu năm sau cao hơn năm trước và được giảm 20% thuế TNDN phải nộp cho phần thu nhập có được do doanh thu xuất khẩu đạt tỷ trọng trên 50% trên tổng doanh thu. Việc ưu đãi này sẽ được áp dụng đến hết năm 2011 theo quy định tại Nghị định 124/2008/NĐ-CP, ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế TNDN.

- Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

#### 4.11. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

#### 4.12. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh đã được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của năm tài chính này, cụ thể như sau:

##### Bảng cân đối kế toán (trích)

Khoản mục	Đầu năm (Phân loại lại)	Đầu năm (Đã được trình bày trước đây)
<b>A. Nợ phải trả</b>		
I. Nợ ngắn hạn		
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	214.219.682	-
<b>B. Vốn chủ sở hữu</b>		
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	214.219.682

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

**5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán**

**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	234.156.999	381.435.814
Tiền gửi ngân hàng - VND	1.680.702.963	818.715.840
Tiền gửi ngân hàng - USD	4.305.305.650	1.562.210.600
Tiền gửi ngân hàng - EUR	13.689.186	14.020.514
Tiền gửi tại Công ty chứng khoán - VND	93.367.942	90.606.762
Các khoản tương đương tiền	<u>2.000.000.000</u>	<u>-</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>8.327.222.740</u></b>	<b><u>2.866.989.530</u></b>

**5.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

	Cuối năm	Đầu năm
Cho vay ngắn hạn	320.000.000	3.372.098.950
Tiền gửi có kỳ hạn	<u>9.680.000.000</u>	<u>8.316.345.000</u>
<b>Cộng giá gốc các khoản đầu tư ngắn hạn</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>11.688.443.950</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	<u>-</u>	<u>-</u>
<b>Giá trị thuần của đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b><u>10.000.000.000</u></b>	<b><u>11.688.443.950</u></b>

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010, giá trị khoản tiền gửi có kỳ hạn là 8.180.000.000 đồng cùng với khoản lãi phát sinh trong thời gian gửi tiền hiện đang cầm cố, thế chấp tại ngân hàng cho các khoản vay ngắn hạn. (xem thêm mục 5.12)

**5.3. Các khoản phải thu ngắn hạn**

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	322.736.294.693	324.596.839.676
Trả trước cho người bán	34.159.797.023	13.767.900.511
Các khoản phải thu khác	<u>99.426.053.734</u>	<u>110.272.053.548</u>
<b>Cộng các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>456.322.145.450</b>	<b>448.636.793.735</b>
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	<u>(584.284.023)</u>	<u>(349.401.424)</u>
<b>Giá trị thuần của các khoản phải thu</b>	<b><u>455.737.861.427</u></b>	<b><u>448.287.392.311</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty, chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Các bên liên quan (xem thêm mục 7)	190.478.869.999	275.694.270.127
Các đối tượng khác	132.257.424.694	48.902.569.549
<i>Phải thu khách hàng nước ngoài</i>	112.680.874.743	35.488.123.994
<i>Phải thu khách hàng trong nước</i>	<u>19.576.549.951</u>	<u>13.414.445.555</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>322.736.294.693</u></b>	<b><u>324.596.839.676</u></b>

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010, các khoản phải thu hình thành từ các hợp đồng, đơn hàng trong tương lai hiện đang cầm cố, thế chấp tại các ngân hàng có giá trị tương đương 21.722.084 USD. (xem thêm mục 5.12)

Trả trước cho người bán có chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Các bên liên quan (xem thêm mục 7)	7.731.223.356	176.705.572
Các đối tượng khác	<u>26.428.573.667</u>	<u>13.591.194.939</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>34.159.797.023</u></b>	<b><u>13.767.900.511</u></b>

Các khoản phải thu khác bao gồm các khoản phải thu các bên liên quan và các đối tượng khác, chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Các bên liên quan (xem thêm mục 7)	98.053.300.034	98.617.308.658
Các đối tượng khác	1.372.753.700	11.654.744.890
<i>Công ty TNHH InnovGreen</i>	-	11.447.254.425
<i>Phải thu khác</i>	<u>1.372.753.700</u>	<u>207.490.465</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>99.426.053.734</u></b>	<b><u>110.272.053.548</u></b>

(Phần tiếp theo ở trang 19)

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

### 5.4. Hàng tồn kho

	Cuối năm	Đầu năm
Hàng mua đang đi đường	810.614.505	746.179.821
Nguyên liệu gỗ các loại	655.456.082.703	581.836.626.383
Vật liệu phụ	20.087.676.790	9.733.151.805
Công cụ, dụng cụ	924.906.088	1.273.611.489
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	55.224.561.707	44.742.389.083
Thành phẩm	27.204.428.096	32.250.515.936
Hàng hóa	44.354.914.392	17.326.539.727
Hàng gửi đi bán	<u>12.071.282.368</u>	<u>1.881.939.773</u>
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>816.134.466.649</b>	<b>689.790.954.017</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	<u>(3.841.145.230)</u>	<u>(2.001.480.452)</u>
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện</b>	<b><u>812.293.321.419</u></b>	<b><u>687.789.473.565</u></b>

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010, toàn bộ giá trị hàng tồn kho hiện đang được cầm cố, thế chấp tại các ngân hàng. (xem thêm mục 5.12)

### 5.5. Tài sản ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Tạm ứng	15.690.591.584	10.698.720.695
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	<u>2.572.529.310</u>	<u>2.037.626.585</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>18.263.120.894</u></b>	<b><u>12.736.347.280</u></b>

Khoản tạm ứng bao gồm khoản tiền ứng trước về việc thưởng cổ phiếu cho người lao động với số tiền là 14.009.605.522 đồng. Trong trường hợp không thể thu hồi được các khoản tạm ứng này vì bất kỳ lý do gì thì Hội đồng quản trị sẽ trực tiếp chịu trách nhiệm bồi thường các khoản tổn thất này theo Nghị quyết Hội đồng quản trị ngày 29 tháng 04 năm 2008.

(Phần tiếp theo ở trang 20)

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

### 5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	14.222.386.092	17.813.651.288	6.061.211.646	1.170.239.863	-	39.267.488.889
Mua trong năm	-	3.438.360.737	2.535.653.065	-	119.305.000	6.093.318.802
Giảm do góp vốn	-	65.833.332	525.776.881	-	119.305.000	710.915.213
Thanh lý, nhượng bán	-	-	520.000.000	-	-	520.000.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>14.222.386.092</b>	<b>21.186.178.693</b>	<b>7.551.087.830</b>	<b>1.170.239.863</b>	<b>-</b>	<b>44.129.892.478</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	7.106.615.561	4.875.266.462	1.721.121.245	886.807.895	-	14.589.811.163
Khấu hao trong năm	1.106.994.813	2.900.001.577	884.026.204	129.047.900	-	5.020.070.494
Thanh lý, nhượng bán	-	-	108.333.330	-	-	108.333.330
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>8.213.610.374</b>	<b>7.775.268.039</b>	<b>2.496.814.119</b>	<b>1.015.855.795</b>	<b>-</b>	<b>19.501.548.327</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	7.115.770.531	12.938.384.826	4.340.090.401	283.431.968	-	24.677.677.726
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>6.008.775.718</b>	<b>13.410.910.654</b>	<b>5.054.273.711</b>	<b>154.384.068</b>	<b>-</b>	<b>24.628.344.151</b>

- Đến ngày 31 tháng 12 năm 2010, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 4.329.512.111 đồng.
- Đến ngày 31 tháng 12 năm 2010, hầu hết tài sản cố định hữu hình đã được cầm cố, thế chấp cho các khoản vay. (xem thêm mục 5.12)

(Phần tiếp theo ở trang 21)

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

### 5.7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm, website	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	9.813.717.509	477.975.870	10.291.693.379
Mua trong năm	2.663.451.000	45.000.000	2.708.451.000
<b>Số dư cuối năm</b>	<b><u>12.477.168.509</u></b>	<b><u>522.975.870</u></b>	<b><u>13.000.144.379</u></b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	1.348.144.698	219.174.593	1.567.319.291
Khấu hao trong năm	657.598.772	66.986.628	724.585.400
<b>Số dư cuối năm</b>	<b><u>2.005.743.470</u></b>	<b><u>286.161.221</u></b>	<b><u>2.291.904.691</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	8.465.572.811	258.801.277	8.724.374.088
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b><u>10.471.425.039</u></b>	<b><u>236.814.649</u></b>	<b><u>10.708.239.688</u></b>

- Đến ngày 31 tháng 12 năm 2010, nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 118.692.498 đồng.
- Đến ngày 31 tháng 12 năm 2010, toàn bộ quyền sử dụng đất đã được cầm cố, thế chấp cho các khoản vay. (xem thêm mục 5.12)

### 5.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cuối năm	Đầu năm
Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng 10.320m <sup>2</sup> đất tại Dĩ An, Bình Dương	32.500.000.000	31.500.000.000
Nhận chuyển nhượng quyền sử dụng 4.417m <sup>2</sup> đất tại Thuận An, Bình Dương	-	2.650.200.000
Mua 2 máy Ripsaw MJ 2013	<u>378.640.000</u>	-
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>32.878.640.000</u></b>	<b><u>34.150.200.000</u></b>

(Phần tiếp theo ở trang 22)

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

**5.9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư vào công ty con	295.841.320.522	229.464.133.983
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	1.670.000.000	-
Đầu tư dài hạn khác	<u>130.408.624.959</u>	<u>145.508.624.959</u>
<b>Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn</b>	<b>427.919.945.481</b>	<b>374.972.758.942</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	<u>(12.736.675.463)</u>	-
<b>Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b><u>415.183.270.018</u></b>	<b><u>374.972.758.942</u></b>

Đầu tư vào công ty con có chi tiết như sau:

	Cuối năm		Đầu năm	
	Số lượng cổ phần	Giá trị	Số lượng cổ phần	Giá trị
Công ty Cổ phần Trường Thành (Daklak 1)	2.100.000	21.000.000.000	2.100.000	21.000.000.000
Công ty Cổ phần Chế Biến Gỗ Trường Thành (Daklak 2)	1.960.000	19.600.000.000	1.960.000	19.600.000.000
Công ty Cổ phần Chế Biến Gỗ Trường Thành (Bình Dương 2)	8.100.000	81.000.000.000	6.380.000	63.800.000.000
Công ty TNHH Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành (Thủ Đức)	-	11.400.000.000	-	9.900.000.000
Công ty Cổ phần Trồng Rừng Trường Thành (Daklak)	2.680.936	26.809.360.000	2.680.936	26.809.360.000
Công ty Cổ phần Trường Thành Xanh (Phú Yên)	4.344.166	43.441.655.066	3.549.350	35.493.495.066
Công ty Cổ phần Lâm Nghiệp Trường Thành (Daklak)	3.738.931	37.389.305.456	2.326.128	23.261.278.917
Công ty Cổ phần Ván Công Nghiệp Trường Thành (Bình Dương 3)	3.120.100	31.201.000.000	560.000	5.600.000.000
Công ty Cổ phần Công Nghiệp Gỗ Trường Thành (Phú Yên)	2.400.000	<u>24.000.000.000</u>	2.400.000	<u>24.000.000.000</u>
<b>Cộng</b>		<b><u>295.841.320.522</u></b>		<b><u>229.464.133.983</u></b>

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết là khoản đầu tư 167.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Bao Bi Trường Thành.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Đầu tư dài hạn khác có chi tiết như sau:

	Cuối năm		Đầu năm	
	Số lượng cổ phần	Giá trị	Số lượng cổ phần	Giá trị
Công ty Cổ phần Công Nghiệp và Thương Mại Lidovit	228.960	2.212.000.000	228.960	2.212.000.000
Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia	5.228.000	52.280.000.000	5.158.000	51.580.000.000
Công ty Cổ phần Chế Biến Thực Phẩm Sông Hậu	444.608	12.226.720.000	444.608	12.226.720.000
Quỹ đầu tư chứng khoán y tế Bản Việt	300	30.000.000.000	300	30.000.000.000
Công ty Cổ phần Quản Lý Cụm Công Nghiệp Trường Thành	540.000	5.400.000.000	540.000	5.400.000.000
Cho Công ty Cổ phần Chế Biến Gỗ Trường Thành (Bình Dương 2) vay (xem thêm mục 7)	-	26.089.904.959	-	44.089.904.959
Cho Công ty Lâm Nghiệp Phước An vay	-	2.200.000.000	-	-
<b>Cộng</b>		<b>130.408.624.959</b>		<b>145.508.624.959</b>

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn là khoản trích lập dự phòng đối với các công ty mà doanh nghiệp đang đầu tư bị lỗ (không bao gồm khoản lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư đối với Công ty Cổ phần Trường Thành Xanh (Phủ Yên) và Công ty Cổ phần Lâm Nghiệp Trường Thành (Daklak).

### 5.10. Chi phí trả trước dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Công cụ, dụng cụ, thiết bị vi tính	2.217.545.990	935.032.297
Chi phí đồng phục	251.875.293	-
Chi phí sửa chữa	290.483.498	463.968.003
Chi phí quảng cáo	272.798.798	28.644.468
Khác	648.855.879	278.369.168
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.681.559.458</b>	<b>1.706.013.936</b>

### 5.11. Tài sản dài hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Ký quỹ dự án trồng rừng	400.000.000	400.000.000
Ký quỹ thuê mặt bằng, kho	907.453.511	217.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.307.453.511</b>	<b>617.000.000</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

### 5.12. Vay ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngắn hạn bằng VND	588.306.564.603	645.732.333.405
Vay ngắn hạn bằng USD	409.873.590.361	17.653.944.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>998.180.154.964</b>	<b>663.386.277.405</b>

Các khoản vay ngắn hạn bằng VND là khoản vay tại ngân hàng với lãi suất bình quân từ 11,4% đến 19,2%.

Các khoản vay ngắn hạn bằng USD với lãi suất bình quân từ 1,58% đến 8% có chi tiết như sau:

	Cuối năm		Đầu năm	
	Gốc USD	Tương đương VND	Gốc USD	Tương đương VND
Vay ngân hàng	21.019.158,48	409.873.590.361	-	-
Vay bên liên quan - Công ty Cổ Phần Chế Biến Gỗ Trường Thành (Daklak 2) – (xem thêm mục 7)	-	-	984.000,00	17.653.944.000
<b>Cộng</b>	<b>21.019.158,48</b>	<b>409.873.590.361</b>	<b>984.000,00</b>	<b>17.653.944.000</b>

Tài sản đảm bảo được cầm cố, thế chấp tại các ngân hàng cụ thể như sau:

- Toàn bộ giá trị hàng tồn kho (xem thêm mục 5.4)
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Phát Triển Việt Nam (xem thêm mục 5.2)
- Giá trị các khoản phải thu (xem thêm mục 5.3)
- Giá trị tài sản cố định (xem thêm mục 5.6)
- Giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (xem thêm mục 5.7)
- Tài sản gắn liền với đất của Công ty Cổ phần Trường Thành (Daklak 1)
- Bảo lãnh cá nhân của Ông Võ Trường Thành

### 5.13. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	42.115.143.156	198.473.536.345
Người mua trả tiền trước	27.433.490.030	9.759.814.330
<b>Tổng cộng</b>	<b>69.548.633.186</b>	<b>208.233.350.675</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác*

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty, chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Các bên liên quan (xem thêm mục 7)	13.255.393.668	164.908.193.398
Nhà cung cấp khác	<u>28.859.749.488</u>	<u>33.565.342.947</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>42.115.143.156</u></b>	<b><u>198.473.536.345</u></b>

Khoản người mua trả tiền trước bao gồm:

	Cuối năm	Đầu năm
Đặt cọc từ khách hàng nước ngoài	22.460.890.610	8.462.306.643
Đặt cọc từ khách hàng trong nước	<u>4.972.599.420</u>	<u>1.297.507.687</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>27.433.490.030</u></b>	<b><u>9.759.814.330</u></b>

### 5.14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	19.895.504	1.675.363.307
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.954.466.250	4.569.593.222
Thuế thu nhập cá nhân	<u>10.719.869</u>	<u>298.071.703</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>2.985.081.623</u></b>	<b><u>6.543.028.232</u></b>

### 5.15. Chi phí phải trả

	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí lãi vay	3.180.063.606	821.354.108
Khác	<u>334.188.240</u>	<u>850.696.540</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>3.514.251.846</u></b>	<b><u>1.672.050.648</u></b>

### 5.16. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Cuối năm	Đầu năm
Các bên liên quan (xem thêm mục 7)	20.128.274.151	54.361.110.230
Khác	<u>2.480.926.393</u>	<u>(72.124.028)</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>22.609.200.544</u></b>	<b><u>54.288.986.202</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

**5.17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Số dư đầu năm	214.219.682	4.222.509.390
Trích lập trong năm	4.607.443.954	1.000.914.724
Sử dụng trong năm	(505.763.636)	(395.697.016)
Tăng khác trong năm	4.100.000	1.800.000
Giảm khác trong năm	<u>(4.320.000.000)</u>	<u>(4.615.307.416)</u>
<b>Số dư cuối năm</b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>214.219.682</u></b>

(Phần tiếp theo ở trang 27)

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỐ TRƯỜNG THÀNH**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác*

**5.18. Vốn chủ sở hữu**

**5.18.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng	ĐVT: triệu đồng
Số dư đầu năm trước	150.000	471.614	-	-	-	5.225	2.612	26.490	655.941	
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	21.862	21.862	
Tặng vốn trong năm trước	5.000	3.600	-	-	-	-	-	-	8.600	
Tặng từ thặng dư vốn	50.000	-	-	-	-	-	-	-	50.000	
Tặng khác	-	-	3.212	(3)	-	600	1.001	-	4.810	
Giảm khác	-	50.000	-	-	2.142	-	-	25.791	77.933	
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>205.000</b>	<b>425.214</b>	<b>3.212</b>	<b>(3)</b>	<b>(2.142)</b>	<b>5.825</b>	<b>3.613</b>	<b>22.561</b>	<b>663.280</b>	
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-	42.043	42.043	
Tặng vốn trong năm nay	5.000	-	-	-	-	-	-	-	5.000	
Tặng từ thặng dư vốn	102.498	-	-	-	-	-	-	-	102.498	
Tặng khác	-	-	-	(1)	33.285	-	-	-	33.284	
Giảm khác	-	102.498	-	-	31.143	-	-	27.641	161.282	
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>312.498</b>	<b>322.716</b>	<b>3.212</b>	<b>(4)</b>	<b>-</b>	<b>5.825</b>	<b>3.613</b>	<b>36.963</b>	<b>684.823</b>	

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

### 5.18.2. Cổ tức

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã chi trả trong năm:	20.490.349.000	19.976.735.000

### 5.18.3. Cổ phần

	Cuối năm	Đầu năm
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	31.249.839	20.500.000
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng	31.249.839	20.500.000
▪ Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	464	321
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	31.249.375	20.499.679
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần		

### 5.18.4. Phân phối lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	22.560.596.679	26.490.095.278
Lợi nhuận sau thuế trong năm	42.043.420.018	21.862.163.517
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	-	(600.548.834)
Trích lập Quỹ dự phòng tài chính	-	(1.000.914.724)
Trích lập Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-	(3.212.548.834)
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(4.607.443.954)	(1.000.914.724)
Chia cổ tức	(20.490.349.000)	(19.976.735.000)
Trả lãi Phước An theo quyết toán trồng rừng	(2.428.800.000)	-
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát	(114.000.000)	-
<b>Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm</b>	<b><u>36.963.423.743</u></b>	<b><u>22.560.596.679</u></b>

(Phần tiếp theo ở trang 29)

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

## 6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

### 6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	1.665.616.446.545	1.328.407.536.645
Doanh thu bán rừng trồng Keo lá tràm	29.786.000.000	-
Doanh thu dịch vụ	6.141.342.332	1.421.895.000
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>1.701.543.788.877</b>	<b>1.329.829.431.645</b>

### 6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng bán	1.466.877.027.013	1.212.481.048.672
Giá vốn bán rừng trồng Keo lá tràm	5.498.000.000	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.839.664.778	1.710.012.165
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.474.214.691.791</b>	<b>1.214.191.060.837</b>

### 6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức được chia	3.501.993.713	3.731.240.000
Lãi tiền gửi ngân hàng	746.362.092	146.921.683
Lãi cho vay	52.790.088	652.724.106
Thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần	-	8.400.000.000
Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán	-	859.222.125
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.797.283.602	3.460.472.083
<b>Tổng cộng</b>	<b>8.098.429.495</b>	<b>17.250.579.997</b>

### 6.4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí dự phòng đầu tư dài hạn	12.736.675.463	-
Chi phí lãi vay	93.384.954.461	56.175.889.816
Lỗ chênh lệch tỷ giá	14.298.272.648	1.117.175.945
Phí ngân hàng	3.350.470.620	1.004.225.629
Lỗ do bán chứng khoán	-	209.673.625
Chi phí giao dịch chứng khoán	-	25.373.302
<b>Tổng cộng</b>	<b>123.770.373.192</b>	<b>58.532.338.317</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

### 6.5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Lương nhân viên bán hàng tại các siêu thị	507.934.434	289.919.880
Chi phí khấu hao	88.773.182	53.313.601
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi	1.450.300.079	2.071.808.617
Chi phí xuất hàng	9.603.851.346	6.604.604.972
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.462.320.634	307.059.887
Chi phí khác	791.878.625	1.037.349.651
<b>Tổng cộng</b>	<b>13.905.058.300</b>	<b>10.364.056.608</b>

### 6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	38.038.053.674	32.524.637.781
Chi phí công tác, tiếp khách	946.022.994	716.645.566
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.173.159.007	1.924.490.595
Chi phí khấu hao	3.213.810.473	1.312.583.673
Thuế, phí và lệ phí	2.121.153.282	1.265.809.543
Chi phí thuê xe đưa rước	2.254.773.727	1.884.718.564
Chi phí điện nước, điện thoại, thuê văn phòng	2.722.514.935	2.397.712.541
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	234.882.599	349.401.424
Chi phí dự phòng trợ cấp mất việc làm	238.480.800	353.848.600
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	753.522.000
Chi phí bằng tiền khác	1.368.186.812	564.660.476
<b>Tổng cộng</b>	<b>52.311.038.303</b>	<b>44.048.030.763</b>

### 6.7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ thanh lý tài sản	490.595.326	6.508.566.733
Thu nhập khác	598.416.140	1.034.352.255
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.089.011.466</b>	<b>7.542.918.988</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

**6.8. Chi phí khác**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thanh lý tài sản	411.666.670	818.421.373
Chi phí khác	99.950.468	227.221.822
<b>Tổng cộng</b>	<b>511.617.138</b>	<b>1.045.643.195</b>

**6.9. Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	46.018.451.114	26.441.800.910
Cộng chi phí không được trừ	1.530.326.812	1.214.053.765
Lỗ CLTG chưa thực hiện	4.500.934.205	-
Trừ cổ tức không chịu thuế	(3.501.993.713)	(3.731.240.000)
Cộng (trừ) thu nhập khác	(433.546.172)	(14.581.172.839)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	48.114.172.246	9.343.441.836
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	9.622.834.449	1.868.688.367
Cộng (trừ) khoản thuế từ thu nhập khác	108.386.543	3.645.293.210
Trừ thuế TNDN được giảm 50%	(4.811.417.225)	(934.344.184)
Trừ thuế TNDN được giảm do doanh thu xuất khẩu năm sau cao hơn năm trước	(519.623.405)	-
Điều chỉnh giảm thuế TNDN 2009 phải nộp	(425.149.266)	-
<b>Chi phí thuế TNDN phải nộp trong năm</b>	<b>3.975.031.096</b>	<b>4.579.637.393</b>

(Phần tiếp theo ở trang 32)

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

### 7. Thông tin về các bên có liên quan

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các bên được xem là có liên quan với Công ty như sau:

- + Công ty con:

*Chế biến gỗ:*

Công ty Cổ phần Trường Thành (Daklak 1)

Công ty Cổ phần Chế Biến Gỗ Trường Thành (Daklak 2)

Công ty Cổ phần Chế Biến Gỗ Trường Thành (Bình Dương 2)

Công ty Cổ phần Công Nghiệp Gỗ Trường Thành (Phú Yên)

Công ty Cổ phần Ván Công Nghiệp Trường Thành (Bình Dương 3)

Công ty TNHH Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành (Thủ Đức)

*Trồng rừng:*

Công ty Cổ phần Trồng Rừng Trường Thành (Daklak)

Công ty Cổ phần Trường Thành Xanh (Phú Yên)

Công ty Cổ phần Lâm Nghiệp Trường Thành (Daklak)

*Khác:*

Công ty Cổ phần Vật Liệu Xây Dựng Trường Thành - Phước An

Công ty Cổ phần Nông Lâm Công Nghiệp Trường An

- + Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Bao Bì Trường Thành

- + Khác

Công ty Cổ phần Quản Lý Cụm Công Nghiệp Trường Thành

Công ty Cổ phần Phú Hữu Gia

Công ty TNHH Dịch vụ Trường Thành

Công ty Cổ phần Vũ Tuấn

Công ty TNHH Lâm Nghiệp Hoàng Nam

Công ty TNHH Ngọc Nguyễn

Công ty TNHH Gia Phú Nguyễn

Công ty TNHH Lâm Nghiệp Phương Mai

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

*Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác*

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, các số dư với các bên có liên quan như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu - xem mục 5.3	296.263.393.389	374.488.284.357
Phải trả - xem mục 5.13 và 5.16	33.383.667.819	219.269.303.628
Cho vay - xem mục 5.9	26.089.904.959	44.089.904.959
Vay - xem mục 5.12	-	17.653.944.000

- Bản chất các giao dịch với các bên liên quan và giá trị giao dịch trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng	962.368.968.013	946.610.261.056
Mua hàng	1.176.826.927.239	1.124.774.802.524
Cho vay	1.612.000.000	25.131.100.000
Lãi cho vay	-	241.500.000
Chi phí lãi vay	1.243.756.639	13.998.618.261
Cổ tức được chia	2.420.000.000	1.568.000.000
Thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần	-	8.400.000.000
Thu nhập từ thanh lý tài sản	412.000.000	6.278.566.733
Chi phí thanh lý tài sản	411.666.670	542.790.346

- Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban điều hành:

	Năm nay	Năm trước
Lương, thưởng Ban điều hành	2.640.746.577	1.748.348.917
Lương, thưởng của cán bộ quản lý quan trọng khác	8.897.520.028	7.176.562.375
Thù lao Hội đồng quản trị	580.000.000	496.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>12.118.266.605</b>	<b>9.420.911.292</b>

## 8. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có các sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

## 9. Các thông tin thuyết minh khác

Trong năm 2010, Công ty thay đổi chính sách kế toán liên quan đến việc xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ từ Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính (được áp dụng cho năm 2009) sang áp dụng Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ được ghi nhận như là thu nhập hoặc chi phí tài chính trong kỳ thay vì được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu chênh lệch tỷ giá hối đoái) như năm trước.

Ngày 31 tháng 12 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 244/2009/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp liên quan đến các vấn đề sau: đơn vị tiền tệ trong kế toán; hướng dẫn chế độ kế toán cho nhà thầu nước ngoài; hướng dẫn sửa đổi và bổ sung phương pháp kế toán cho một số nghiệp vụ kinh tế. Công ty đã áp dụng các quy định này cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2010 trở đi.

## 10. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 10 tháng 04 năm 2011.

Bình Dương, ngày 10 tháng 04 năm 2011

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN VĂN HẬU

TỔNG GIÁM ĐỐC



VÕ TRƯƠNG THÀNH